

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- NĂM BÁO CÁO 2010 -

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Tên viết tắt : **PETEC BIDICO**

Giấy phép đăng ký kinh doanh số **35 03 000014** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp (lần thứ sáu) ngày 24/5/2007

Mã ch/khoán (OTC) : PTB

Trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 056.3 822233 - Fax : 056.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai Cty: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.
- Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/06/1998 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh, đảm bảo khả năng phát triển lâu dài của Công ty, ngày 14/5/2001, UBND Tỉnh Bình Định ra quyết định số 35/2001/QĐ-UB về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng.
- Ngày 08/9/2006, Đại hội hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thống nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

2. Quá trình phát triển:

2.1- Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Kinh doanh ô tô;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho bãi;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết

2.2- Tình hình hoạt động:

a/. Tổng quan hoạt động – phát triển:

Mười năm từ khi chuyển sang hình thức cổ phần, Công ty Cổ phần Petec Bình Định (Petec Bidico) đã có những bước tiến chắc chắn và nhiều triển vọng. Từ việc cải cách bộ máy hoạt động trong những năm đầu đến việc tiếp cận thị trường một cách hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh, đến nay thương hiệu PETEC BIDICO đã được biết đến như một Công ty mạnh mẽ trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm VLXD, xăng dầu PETEC, cũng như các sản phẩm tiêu dùng khác tại thị trường Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

Ba năm đầu tiên kể từ tháng 5 năm 2001, Công ty gặt hái những kết quả thật sự khích lệ. Nếu so với ba năm trước cổ phần, thì mức tăng trưởng hàng năm của giai đoạn này luôn đạt từ 15% - 20%/năm. Thương hiệu của Công ty cũng như thương hiệu xăng dầu PETEC và các loại xi-măng như ChinFon, Phúc Sơn, Nghi Sơn,... đã trở nên gần gũi, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường; Mức thu nhập bình quân của người lao động tăng gấp rưỡi so với 3 năm trước cổ phần. Đến năm 2007 do nhu cầu phát triển đồng bộ các hoạt động kinh doanh Công ty đã bổ sung thêm 323,8% vốn kinh doanh (từ 7,2 tỷ năm 2001 lên 30,6 tỷ), mức chi cổ tức từ năm 2007 đến 2010 đạt ở mức 20%/năm. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều có mức tăng rất tốt. Đời sống CBCNV được nâng cao, thu nhập ổn định, ý thức - trách nhiệm, tinh thần làm chủ cũng như độ gắn kết của người lao động đối với Công ty được nâng lên đáng kể.

Những kết quả của năm 2010 và tốc độ tăng trưởng 5 năm gần đây:

Trong năm	Năm 2010	Tốc độ tăng trưởng hàng năm (5 năm gần đây)
Tổng doanh thu (tỷ VND)	920,96	26,15%
Tổng tài sản (tỷ VND)	117,53	41,72%
Vốn điều lệ (tỷ VND)	30,60	41,78%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	9,67	93,44%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	7,15	97,97%
Chỉ số lợi nhuận ròng trên tài sản ROA(%)	6,08	-
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ROE(%)	13,95	-
Tỷ suất lợi tức cổ phần (%)	20,00	-

Nhìn chung diễn biến của nền kinh tế Việt Nam năm 2010 thể hiện rõ hai điểm nhấn chính, đó là sự thất chặt thị trường tín dụng ngay từ đầu năm và lạm phát tăng nhanh - mạnh ở giai đoạn cuối năm. Sóng đôi với những diễn biến phức tạp, đan xen giữa những điều chỉnh của chính sách vĩ mô và biến động của thị trường là sự khó lường của thời tiết, đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động SX-KD của hầu hết các doanh nghiệp.

Đối với Công ty, mặc dù yếu tố khách quan không thuận lợi, song với những cố gắng lớn của tập thể CBCNV, hoạt động SX-KD năm 2010 vẫn đảm bảo đạt theo kế hoạch đề ra. Cụ thể:

- Các ngành hàng chính như xăng dầu xi-măng tiếp tục giữ vững vai trò rường cột trong tổng thể hoạt động của doanh nghiệp, tiếp tục giữ vững thị phần các mặt hàng truyền thống là xăng dầu PETEC và xi-măng các loại Riêng mảng kinh doanh xăng dầu, năm 2010 đã có những biến chuyển quan trọng, từ đó đạt được những thành quả đáng kể. Tuy nhiên, những khó khăn xuất phát từ nguyên nhân khách quan với việc thị trường tín dụng bị thắt chặt, đã khiến ngành hàng ô tô gặp rất nhiều khó khăn.
- Sau chuỗi thời gian nâng cấp, xây mới hệ thống mặt bằng, cơ sở vật chất hiện có. Các mặt bằng đều hoạt động tốt và phát huy lợi thế thương mại. Trung tâm Thương mại Petec Bidico sau hai năm xây dựng với tổng kinh phí trên 20 tỷ đồng đã chính thức đi vào hoạt động kể từ tháng 1 năm 2010 hiện phát triển ổn định. Mục tiêu cơ cấu dịch chuyển tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu hoạt động của doanh nghiệp được làm tốt.
- Mức lợi nhuận đạt được trong năm 2010 đã đảm bảo chia cổ tức cho các cổ đông 20% - vượt kế hoạch đề ra là 17,7%/năm.

b/. Tổng quan các ngành hàng chính yếu của Công ty:

• **Kinh doanh xăng dầu:**

Với thế mạnh bán buôn, bán lẻ các loại xăng dầu, Công ty đã có hơn 40 đại lý và cửa hàng xăng dầu được phân bố rộng khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Bình Định; và các nhà máy nhiệt điện ở các tỉnh phía Nam. Số lượng bán ra đạt 70 triệu lít/năm.

Hệ thống kho chứa và Trạm trung chuyển xăng dầu 1.600 tấn tại Cảng Quy Nhơn (*được Cục Hàng hải Việt Nam công nhận nằm trong hệ thống cảng biển quốc gia*) hoạt động hiệu quả giúp chủ động được nguồn hàng cung cấp cho các đại lý.

• **Kinh doanh xi măng, VLXD - trang trí nội thất:**

Là nhà phân phối chính thức cho các Nhà máy sản xuất xi-măng nổi tiếng như: Nghi Sơn, ChínFon, Phúc Sơn, v.v... Có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp địa bàn tỉnh Bình Định và 3 tỉnh Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum. Số lượng xi măng bán ra đạt khoảng 250 ngàn tấn/năm.

• **Kinh doanh ô tô:**

Xe tải các loại: CUU LONG, VINAXUKI, DAMCO,... Có 3 showroom tại Quy Nhơn (389 Trần Hưng Đạo, 35 Tây Sơn thành phố Quy Nhơn, QLô 1A đoạn qua huyện Tuy Phước- Tỉnh Bình Định). Số lượng bán ra hàng năm đạt trên 200 chiếc.

• **Dịch vụ cho thuê mặt bằng:**

Dịch vụ kinh doanh này thời gian qua đạt hiệu quả, góp phần đáng kể vào lợi nhuận chung toàn Công ty..

• **Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng:**

Chuyên cung cấp các mặt hàng tiêu dùng, nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp, thuốc lá, hàng công nghệ phẩm.

• **Nước uống tinh khiết PETEC:**

Được tinh lọc theo quy trình khép kín qua 12 công đoạn theo công nghệ Hoa Kỳ. Sản phẩm này có mặt khắp thị trường Bình Định, các tỉnh Tây Nguyên và TP Hồ Chí Minh, đặc biệt được nhiều người tin dùng.

3. Định hướng phát triển:

a/. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục khẳng định thương hiệu PETEC BIDICO như một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực phân phối hàng hoá ba ngành hàng chính là Vật liệu xây dựng, Xăng dầu, Ôtô tại thị trường Miền Trung Tây nguyên và các tỉnh phía Nam;
- Gia tăng doanh thu dịch vụ trong cơ cấu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm đạt 20%;

b/. Chiến lược phát triển:

- Mở rộng thị phần, đa dạng nguồn hàng cung cấp, tăng cường hệ thống cung ứng như kho bãi, nâng cao chất lượng dịch vụ với các ngành hàng chủ lực như xi-măng, xăng dầu Petec, ô tô các loại, tạo niềm tin cho tất cả các Nhà sản xuất có nhu cầu.
- Xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ, có trình độ và kinh nghiệm nhằm năng động hoá các lĩnh vực kinh doanh then chốt.
- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định từ năm 2007, yêu cầu thực tế của Công ty, hiện trạng nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
 - Đầu tư thêm Trung tâm TM Petec Bidico, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh dịch vụ.
 - Tiếp tục nâng cấp các mặt bằng kinh doanh nhằm tạo hiệu quả tốt hơn;
 - Xây dựng thêm hai Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ;

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2010:

Hoạt động đầu tư:

- Công ty đã hoàn thành xây dựng Showroom ô tô tại xã Phước Lộc Huyện Tuy Phước, hiện đã và đang hoạt động hiệu quả. Tại khu vực này, Ban lãnh đạo Công ty dự kiến sẽ nâng tầm trở thành một cụm dịch vụ bao gồm xăng dầu bán lẻ, kinh doanh ô tô, dịch vụ kho bãi.
- Đầu tư phát triển hệ thống xăng dầu bán lẻ, thời gian qua, trên cơ sở đã khảo sát các vị trí có thể mở điểm xăng dầu bán lẻ, Công ty đã tiến hành mua 1.080 mét vuông đất tại Chợ Gồm – huyện Phù Cát, tiến tới hoàn thiện các thủ tục để sớm xây dựng Cửa hàng bán lẻ tại đây.

Vấn đề lùi thời gian phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu: Với mục đích sử dụng vốn đạt hiệu quả tốt nhất, bảo đảm mục tiêu Công ty ổn định và phát triển bền vững, sau khi phân tích kỹ tình hình thực tế hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần PETEC Bình Định thống nhất trình cổ đông về việc lùi lại thời gian phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu của Công ty trong năm 2010 vào thời điểm thích hợp. Kết quả lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản (do không đủ điều kiện tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường), như sau:

- Biểu quyết đồng ý thông qua (bao gồm số phiếu đã nhận và số phiếu không gửi về công ty): 571 phiếu, tương ứng 2.922.636 cổ phần, chiếm 95,51% vốn điều lệ;
- Biểu quyết không thông qua, không có ý kiến và phiếu không hợp lệ: 18 phiếu, tương ứng 133.364 cổ phần, chiếm 4,36% vốn điều lệ;
- Phiếu bưu điện gửi trả lại: 01 phiếu, tương ứng 4.000 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

Như vậy Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua việc "lùi lại thời gian phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu của Công ty trong năm 2010 vào thời điểm thích hợp" với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 95,51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Lợi nhuận và tỷ suất lợi tức chia cổ phần đạt và vượt kế hoạch đề ra. Năm 2010 được dự báo là năm hết sức khó khăn đặc biệt về vốn và yếu tố thị trường bao gồm nhu cầu giảm, sự cạnh tranh lớn. Tuy nhiên, kết thúc năm 2010, với lợi nhuận ròng đạt 7,15 tỷ đồng, qua đó bảo đảm chia cổ tức cho cổ đông đạt 20% năm, là kết quả rất khả quan cho những cố gắng của Ban lãnh đạo Công ty.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Kết quả kinh doanh năm 2010 (đã được kiểm toán): Lợi nhuận ròng toàn Công ty đạt 7,3 tỷ đồng, vượt 37% so với kế hoạch đề ra, đạt 52% so với thực hiện năm 2009, trong đó:

Công ty tạm chia cổ tức năm 2010 cho cổ đông đạt 20% (kế hoạch lập là 15%/năm).

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Không có.

4. Triển vọng và kế hoạch trong giai đoạn sắp đến:

Hội đồng quản trị Công ty nhận định Năm 2011, nền kinh tế trong nước được dự báo tiếp tục có những biến chuyển phức tạp, đặc biệt đối với thị trường tín dụng và các chính sách vĩ mô liên quan đến ngành hàng xăng dầu. Cùng với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các mảng kinh doanh xăng dầu, xi-măng, ô tô, v.v... sẽ là những thách thức lớn, đòi hỏi sự nhạy bén, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, cũng như của tập thể CBCNV Công ty trong năm 2011.

Xăng dầu và xi-măng tiếp tục là hai ngành hàng chủ lực của Công ty trong giai đoạn đến. Giải pháp bền vững cho vấn đề này chính là nâng cao khả năng dự trữ và đa dạng hóa nguồn hàng, qua đó chủ động hàng hóa cung ứng cho thị trường. Các ngành hàng khác như kinh doanh hàng tiêu dùng, thu mua và xuất khẩu nông sản, dịch vụ khai thác cho thuê mặt bằng - cửa hàng - kiốt tại Trung tâm Thương mại, sản xuất nước tinh khiết hương hiệu Petec... được phát triển đều và bền vững.

Nhằm đảm bảo chu chuyển hàng hóa trên thị trường được liên tục, Petec Bidico sẽ xây dựng khung dự báo từ xa tại từng đơn vị, nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn cho toàn Công ty.

Mặc dù sẽ có nhiều khó khăn trong giai đoạn sắp đến, song với nội lực của mình, Hội đồng quản trị tin tưởng sự bền bỉ, tính truyền thống trong hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường miền Trung – Tây Nguyên, cùng sự linh hoạt trong điều hành, quản lý Ban lãnh đạo Công ty sẽ là nền tảng cho sự phát triển bền vững của Petec Bidico thời gian đến.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:

1. Báo cáo tính hình tài chính:

Trong năm 2010, Công ty tiếp tục thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu tài sản Công ty theo hướng tạo thanh khoản tốt hơn cho hoạt động, đồng thời sử dụng vốn hiệu quả hơn..

Một số chỉ tiêu tài chính:

< Biểu số 3 >

Chỉ tiêu		Năm 2010
<u>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</u>		
<i>Cơ cấu tài sản</i>		
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	22,46
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	72,24
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>		
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	55,21
Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	44,79
Nợ phải trả / Nguồn vốn CSH	%	123,3
<u>Khả năng thanh toán</u>		
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	0,17
Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,36
<u>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</u>		
Hiệu suất sử dụng vốn cố định	đồng	44,2
<u>Tỷ suất sinh lợi</u>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	1,1
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,8
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	8,22
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn CSH	%	13,58

Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo:

Kết thúc ngày 31/12/2010, tổng tài sản công ty có: **117 tỷ 526 triệu** giảm 10% so với thời điểm cuối năm trước. Giá trị giảm chủ yếu do hàng tồn kho điều chỉnh giảm gấp 2 lần..

Giá trị tài sản cuối năm này so với cuối năm trước như sau:

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	98.664.322.092	84.905.492.588
II	Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	31.756.956.002	32.621.001.157
III	Tổng tài sản	130.421.278.094	117.526.493.745
I	Nợ phải trả	80.501.216.069	64.883.879.316
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	49.920.062.025	52.642.614.429
VI	Tổng nguồn vốn	130.421.278.094	117.526.493.745

Những thay đổi về vốn cổ đông:

Vốn điều lệ: 30,6 tỷ đồng.

Trong năm không có thay đổi về vốn cổ đông.

Về việc chia lãi cổ phần năm 2010:

Tổng lợi nhuận sau thuế toàn Công ty đạt **7 tỷ 151 triệu**.

Trong năm Công ty tạm chia cổ tức cho các cổ đông với mức tỷ suất lợi tức 20%. Tổng số tiền đã tạm chia là **6 tỷ 120 triệu đồng**.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Từ những cố gắng nỗ lực của từng ngành hàng nói trên, năm 2010, kết quả kinh doanh hầu hết các ngành hàng đều đạt khá so với kế hoạch đề ra, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2010	So với Kế Hoạch	So với Thực hiện 2009
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	849.035	86,9%	119,75%
DOANH THU	Tr.đồng	920.958	91,21%	120,79%
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	Tr.đồng	1.268	89,33%	81,31%
Nước tinh khiết	lít	1.029.085	79,77%	78,09%

Doanh thu tiêu thụ hàng hóa	Tr.đồng	915.284	91,06%	120,54%
Vật liệu xây dựng	Tr.đồng	226.112	97,08%	110,77%
- Xi-Măng	tấn	226.895	94,54%	111,16%
+ XM Nghi Sơn	tấn	33.000	110%	227,75%
+ XM ChinFon	tấn	20.305	50,76%	78,11%
+ XM Hà Tiên	tấn	-	-	0%
+ XM Phúc Sơn	tấn	173.590	102,11%	110,68%
Xăng dầu	Tr.đồng	561.669	96,6%	137,7%
- Xăng các loại	1000 lít	8.167	83,38%	102,94%
- Dầu DO	1000 lít	22.838	92,31%	812,2%
- Dầu KO	1000 lít	144	65,68%	61,22%
- Dầu FO	1000 lít	7.999	66,66%	101,19%
- Dầu nhờn các loại	Tr.đồng	3.247	-	118,78%
Phương tiện vận tải	Tr.đồng	23.215	36,46%	56,51%
- Xe tải các loại	chiếc	105	37,5%	54,97%
- Xe du lịch	chiếc	-	0%	0%
Hàng công nghệ phẩm	Tr.đồng	104.282	97,31%	111,64%
- Trong đó Thuốc lá	1000 gói	11.065	92,21%	93,48%
Khác	Tr.đồng	6	-	4,31%
Doanh thu dịch vụ	Tr.đồng	4.406	142,08%	283,26%
- Dthu kho, vận chuyển(Xi măng)	-	455	-	37916,67%
- Dthu cho thuê kho của Xí nghiệp	-	573	116,67%	125,88%
- Dthu bảo dưỡng ô tô	-	38	-	243,19%
- Dthu cho thuê kho xăng dầu	-	246	-	130,14%
- Dthu các mặt bằng Công ty	-	1.292	113,92%	144,46%
- Dthu Trung tâm TM Petec Bidico	-	1.802	-	0%
LỢI NHUẬN & LỢI TỨC CỔ PHẦN				
Tổng lợi tức trước thuế	Tr.đồng	9.665	136,09%	57,04%
Thuế lợi tức phải nộp	-	2.514	141,59%	85,08%
Lợi nhuận sau thuế	-	7.151	134,25%	51,11%
Tỷ suất LN sau thuế trên Vốn ĐL	%	23,37	134,25%	51,11%
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	20,00	117,66%	100%

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2011:

a/. Kế hoạch kinh doanh:

Trên cơ sở những nhận định trên, kế hoạch SX-KD của Công ty được xây dựng và trình Đại Hội đồng Cổ đông như sau:

- Đối với các ngành hàng:
 - Ngành hàng xi-măng chú trọng phát triển mạnh khâu thị trường, giữ vững thế chủ động với các mặt hàng truyền thống như Phúc Sơn, Nghi Sơn, ChínFon (kế hoạch sản lượng 3 loại XM trên năm 2011 là 275 ngàn tấn). Và để đối phó với những diễn biến phức tạp của thời tiết, gia tăng sức cạnh tranh, Phòng KDTH cần có chiến lược cho các khâu dự trữ (kho tàng), vận chuyển.
 - Đối với mảng kinh doanh xăng dầu, sự sắp xếp lại hệ thống các đầu mối trong năm 2010 sẽ tạo sự cân bằng hơn về thị phần bán lẻ xăng dầu trong các năm tiếp theo. Phòng cần cố gắng giữ vững hệ thống khách hàng đại lý, nâng cao sức cạnh tranh thông qua kho trung chuyển, chất lượng dịch vụ, đồng thời gia tăng hiệu quả từ hệ thống các Cửa hàng bán lẻ thuộc Công ty.
 - Mảng kinh doanh ô tô sớm có kế hoạch đón đầu nhu cầu thị trường theo lộ trình giảm thuế khu vực AFTA, nhằm phát triển mặt hàng xe du lịch giá rẻ, đồng thời tiếp tục duy trì thế mạnh về xe tải Cửu Long tại thị trường Bình Định và miền Trung;
 - Tổ chức và kinh doanh đạt hiệu quả mặt hàng Mỳ lát trong năm 2011.
 - Đối với mảng kinh doanh mặt bằng: thực hiện khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện có.
 - Đối với Chi nhánh Tp.HCM: chú trọng việc duy trì và phát triển doanh số abns hàng của Chi nhánh với các Nhà máy nhiệt điện khu vực phía Nam, đồng thời nghiên cứu khả năng phát triển một số ngành hàng kinh doanh khác.
- Công tác quản lý vốn:
 - Tiếp tục hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro về công nợ thông qua việc kiểm soát chặt chẽ các vấn đề liên quan đến pháp lý từ khâu ký hợp đồng đến bán hàng, theo dõi luân chuyển vốn trên từng khách hàng và thu nợ.
 - Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị sẽ phải tuân thủ nghiêm ngặt theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

b/.Kế hoạch đầu tư:

- Cải tạo nâng cấp các mặt bằng kinh doanh của Công ty nhằm khai thác tốt hơn lợi thế mặt bằng sẵn có;
- Xây dựng thêm ít nhất một Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ;

c/.Kế hoạch doanh số và lợi nhuận:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch năm 2011
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	1.023.982
DOANH THU	Tr.đồng	1.055.066
DT TIÊU THU THÀNH PHẨM	Tr.đồng	1.421
Nước tinh khiết	Lít	1.300.000
DT TIÊU THỤ HÀNG HOÁ	Tr.đồng	1.050.279
Xi-măng	Tr.đồng	276.927
- Tr.đó lượng bán ra	tấn	275.000
Xăng dầu	Tr.đồng	578.486
Phương tiện vận tải	Tr.đồng	63.933
- Xe tải các loại	chiếc	200
- Xe du lịch	chiếc	15
Hàng công nghệ phẩm	Tr.đồng	104.107
Nông sản	Tr.đồng	26.825
DOANH THU DỊCH VỤ	Tr.đồng	3.104
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH	-	
Tổng doanh số	Tr.đồng	1.055.066
- Doanh thu tiêu thụ hàng hoá	-	1.050.279
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	-	1.421
- Doanh thu dịch vụ	-	3.366
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	-	1.055.066
Giá vốn hàng bán	-	1.023.982
Chiết khấu hàng mua	-	13.536
Lợi nhuận gộp	-	44.620
Doanh thu hoạt động tài chính	-	127
Chi phí hoạt động tài chính	-	12.609
- Trong đó lãi vay	-	12.609
Chi phí bán hàng	-	17.678
Trích lập sự phòng	-	-
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	-	4.460
Lợi tức thuần từ HĐKD	-	10.000

Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Lợi tức khác	-	-
Tổng lợi tức trước thuế	-	10.000
Thuế lợi tức phải nộp	-	2.500
Lợi nhuận sau thuế	-	7.500
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn ĐL	%	24,51
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	20,00

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Tr.đồng	
Phân chia các Quỹ	-	1.380
Chia liên doanh và các nghĩa vụ khác	-	-
Lợi tức chia cho cổ phần	-	6.120

KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG/TIỀN LƯƠNG		
Tổng số lao động trong	người	115
Thu nhập bình quân tháng	đ/ng/tháng	3.500.000

IV. Báo cáo tài chính:

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đvt: Việt Nam Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	84.905.492.588	98.664.322.092
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.449.704.653	3.834.433.822
111	1. Tiền	10.449.704.653	3.834.433.822
112	2. Các khoản tương đương tiền		
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
121	1. Đầu tư ngắn hạn		
129	3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		
130	III. Các khoản phải thu	55.184.405.168	55.026.979.647
131	1. Phải thu khách hàng	41.151.855.904	41.130.594.905
132	2. Trả trước cho người bán	14.421.389.290	14.033.288.154
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
138	5. Các khoản phải thu khác	293.026.267	651.962.881
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(681.866.293)	788.866.293)
140	IV. Hàng tồn kho	18.672.193.149	36.858.677.610
141	1. Hàng tồn kho	18.715.585.639	36.902.070.100
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(43.392.490)	(43.392.490)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	599.189.618	2.944.231.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	419.856.370	2.325.035.208
152	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	179.333.248	619.195.805

Bảng cân đối kế toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	32.621.001.157	31.756.956.002
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		
212	3. Phải thu dài hạn nội bộ		
213	4. Phải thu dài hạn khác		
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		
220	II. Tài sản cố định	26.390.754.622	25.411.018.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	25.112.503.804	25.395.899.988
222	- Nguyên giá	39.124.888.886	36.998.901.269
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(14.012.385.082)	(11.603.001.281)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
225	- Nguyên giá		
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
227	3. Tài sản cố định vô hình	-	-
228	- Nguyên giá		
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.278.250.818	15.118.181
240	III. Bất động sản đầu tư		
241	1. Nguyên giá		
242	2. Hao mòn lũy kế (*)		
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.012.465.200	5.254.828.800
251	1. Đầu tư vào công ty con		
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
258	3. Đầu tư dài hạn khác	5.619.548.000	5.649.548.000
259	4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đ.tư dài hạn (*)	(607.082.800)	(394.719.200)
260	V. Tài sản dài hạn khác	1.217.781.335	1.091.109.033
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	1.001.781.335	705.109.033
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		
268	3. Tài sản dài hạn khác	216.000.000	386.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		117.526.493.745	130.421.278.094

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	64.883.879.316	80.501.216.069
310	I. Nợ ngắn hạn	62.379.248.380	78.200.207.672
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18.986.629.822	25.629.958.450
312	2. Phải trả cho người bán	38.525.610.203	43.431.144.830
313	3. Người mua trả tiền trước	132.242.378	167.025.818
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	585.308.787	2.962.223.961
315	5. Phải trả người lao động	1.114.492.616	2.190.552.830
316	6. Chi phí phải trả		104.989.120
317	7. Phải trả nội bộ		
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.034.964.574	3.714.312.663
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
330	II. Nợ dài hạn	2.504.630.936	2.301.008.397
331	1. Phải trả dài hạn người bán		
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		
333	3. Phải trả dài hạn khác	1.436.375.197	1.305.522.802
334	4. Vay và nợ dài hạn		
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	75.474.113	86.134.188
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		
431	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	992.781.626	909.351.407

Bảng cân đối kế toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	52.642.614.429	49.920.062.025
410	I. Vốn chủ sở hữu	52.642.614.429	49.920.062.025
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	30.600.000.000	30.600.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.230.873	1.061.886
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	7.340.826.536	4.542.629.873
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	2.430.888.661	1.731.339.496
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối	12.268.668.359	13.045.030.770
421	11. Nguồn vốn đầu tư XDCB		
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
432	1. Nguồn kinh phí		
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		117.526.493.745	130.421.278.094



Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Phụ trách Kế toán

Khổng Thị Hà

Báo cáo kết quả kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2010	So với Kế Hoạch	So với Thực hiện 2009
DOANH SỐ	Tr.đồng	920.958	91,21%	120,79%
- Doanh thu tiêu thụ hàng hoá	-	915.284	91,06%	120,54%
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	-	1.268	89,33%	81,31%
- Doanh thu dịch vụ	-	4.406	142,08%	283,26%
Các khoản giảm trừ	-	1,38	-	0%
- Hàng bị trả lại	-	1,38	-	0%
Doanh thu thuần	-	920.957	91,21%	120,79%
Giá vốn hàng bán	-	895.022	91,6%	122,92%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0%	0%
Lợi nhuận gộp	-	25.935	70,67%	75,53%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	1.983	-	142,09%
Chi phí hoạt động tài chính	-	5.527	84,47%	238,32%
- Trong đó lãi vay	-	5.256	80,33%	235,41%
Chi phí bán hàng	-	21.865	107,49%	105,18%
Trích lập sự phòng	-	-	-	0%
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	-	4.888	174,57%	129,33%
Lợi tức thuần từ HĐKD	-	(4.362)	-61,41%	-49,3%
Thu nhập khác	-	14.166	-	172,28%
Chi phí khác	-	139	-	112,22%
Lợi tức khác	-	14.027	-	173,19%
Tổng lợi tức trước thuế	-	9.665	136,09%	57,04%
Thuế lợi tức phải nộp	-	2.514	141,59%	85,08%
Lợi nhuận sau thuế	-	7.151	134,25%	51,11%
Tỷ suất LN sau thuế trên Vốn ĐL	%	23,37	134,25%	51,11%
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	20,00	117,66%	100%



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Phụ trách Kế toán

Khổng Thị Hà

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	1.012.289.449.362	825.067.787.320
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(969.329.469.666)	(788.632.991.824)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.091.295.497)	(10.055.066.447)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.314.229.581)	(2.232.494.889)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(4.890.341.012)	(2.648.420.792)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.843.483.321	1.465.823.797
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.617.578.326)	(21.383.146.173)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.890.018.601	1.581.490.992
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(5.549.073.285)	(7.646.432.449)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	4.800.000	175.500.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	30.000.000	20.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(138.944.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	153.670.156	198.194.214
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.360.603.129)	(7.391.682.235)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	935.667.846.694	760.423.497.922
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(942.311.175.322)	(749.981.018.267)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.271.985.000)	(3.865.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.915.313.628)	6.576.579.655
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.614.101.844	766.388.412
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.834.433.822	3.066.983.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	1.168.987	1.061.886
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.449.704.653	3.834.433.822



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Phụ trách Kế toán

Khổng Thị Hà

Bảng thuyết minh báo cáo tài chính:

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Petec Bình Định tên viết tắt là: PETEC BIDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thuộc Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định thành Công ty Cổ phần thương mại Bình Định) theo Quyết định số 35/2001/QĐ-UB ngày 14/05/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Định và Quyết định số 98/QĐ-CPTM ngày 14/04/2007 đổi tên Công ty Cổ phần thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000014 ngày 15 tháng 05 năm 2001, (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần điều chỉnh giấy đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 05 năm 2007). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty có 2 Chi nhánh và 5 cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần PeTec Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Kinh doanh Ô tô PETEC BIDICO tại Bình Định
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Đào Tấn - TP Quy Nhơn
- Cửa hàng Xăng dầu Trung Hậu - Đường Hùng Vương - TP Quy Nhơn
- Cửa hàng Xăng dầu Phước Lộc - Tuy Phước - Bình Định
- Cửa hàng Xăng dầu Phù Mỹ - Phù Mỹ - Bình Định
- Cửa hàng Xăng dầu Hoài Hảo - Hoài Nhơn - Bình Định

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán xăng dầu, mỡ phụ, hóa chất, khí đốt và các chế phẩm từ dầu mỏ; vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; phương tiện vận tải; xe máy và phụ tùng; thức ăn gia súc, phân bón, vật tư công, nông, ngư nghiệp, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phi kim loại, dây chuyền thiết bị đồng bộ; hàng điện tử, điện lạnh công nghiệp; hàng công nghệ phẩm, sữa và các sản phẩm từ sữa, nước giải khát, thuốc lá, rượu, bia mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị, khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng, cửa hàng, ki ốt;
- Tổ chức hội thảo, hội nghị, triển lãm quốc tế;
- Kinh doanh vận tải đường thủy, đường bộ bao gồm: vận chuyển khách du lịch, vận chuyển khách bằng xe buýt và taxi, vận chuyển hàng hóa;

- Kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành nội địa và quốc tế. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Kinh doanh dịch vụ và mua bán sản phẩm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước giải khát đóng chai. Chế biến thực phẩm đồ hộp, nông, lâm, thủy, hải sản. Mua bán, gia công hàng nông sản. Sản xuất gia công hàng may mặc;
- Tư vấn lập dự án đầu tư mua sắm, đổi mới thiết bị công nghệ, lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu và chọn thầu mua sắm thiết bị công nghệ.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung có liên quan và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký Chứng từ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu kỳ sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập cho các loại chứng khoán đầu tư của Công ty bị giảm giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư được lập cho các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác nếu các tổ chức này bị lỗ tại ngày kết thúc niên độ kế toán (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
➤ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25
➤ Máy móc thiết bị	05 - 13
➤ Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	06 - 10
➤ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ tiền lương

Tổng quỹ tiền lương được xác định trên đơn giá tiền lương do Hội đồng quản trị phê duyệt (40% Tổng thu trừ tổng chi không có chi phí lương).

4.10 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Chi phí vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.12 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi.

hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất theo mức thuế quy định cho từng mặt hàng.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 25%
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	USD	31/12/2010 VND	USD	31/12/2009 VND
- Tiền mặt tại quỹ (VND)		47.127.668		120.261.133
- Tiền gửi ngân hàng		10.402.576.985		3.714.172.689
+ VND		10.382.539.924		3.694.943.166
+ USD	1.058,37 #	20.037.061	1.071,82 #	19.229.523
Cộng		10.449.704.653		3.834.433.822

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Phải thu tiền giải phóng mặt bằng	-	512.570.000
Phải thu về tiền đền bù	-	112.000.000
Phải thu thuế TNCN	10.568.979	-
Trả trước tiền mua cổ phần	105.000.000	-
Các khoản phải thu khác	177.457.288	27.392.881
Cộng	293.026.267	651.962.881

7. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi đường	7.975.278.710	14.110.689.002
Nguyên liệu, vật liệu	141.181.186	136.114.857
Thành phẩm	47.555.301	60.573.129
Hàng hóa	10.551.570.442	22.594.693.112
Cộng	18.715.585.639	36.902.070.100

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tạm ứng	179.333.248	619.195.805
Cộng	179.333.248	619.195.805

9. Tài sản cố định hữu hình

Error! Not a valid link.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 4.079.696.311 đồng;

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.405.775.391 đồng

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Sửa chữa cửa hàng xăng dầu Phước Lộc	-	15.118.181
Trung tâm thương mại 323 Bạch Đằng	116.581.818	-
Giải phóng mặt bằng Showroom Phước Lộc	311.669.000	-
Công trình xăng dầu	850.000.000	-
Cộng	1.278.250.818	15.118.181

11. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu	5.619.548.000	5.619.548.000
<i>Công ty CP Cà phê Petec (29.200 CP)</i>	<i>296.000.000</i>	<i>296.000.000</i>
<i>Công ty CP Cà phê Petec Hà Nam Ninh (13.500 CP)</i>	<i>136.350.000</i>	<i>136.350.000</i>
<i>Công ty CP Petec Logistic (200.000 CP)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
<i>Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 (51.796 CP)</i>	<i>1.187.198.000</i>	<i>1.187.198.000</i>
<i>Công ty CP Petec Land (200.000 CP)</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
Đầu tư công trái	-	30.000.000
<i>Công trái Giáo dục (lãi suất 8,2%/năm, nhận lãi hàng năm)</i>	-	<i>10.000.000</i>
<i>Công trái Công trình giao thông thủy lợi đợt III (lãi suất 8,6%/năm, nhận lãi hàng năm)</i>	-	<i>20.000.000</i>
Cộng	5.619.548.000	5.649.548.000

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của các đơn vị mà Công ty đã đầu tư vốn cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của năm 2010 cho các khoản vốn đã đầu tư. Do các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2010 (trừ cổ phiếu của Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1). Do đó, giá trị của các cổ phiếu đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Dự phòng giảm giá cổ phiếu Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1	607.082.800	394.719.200
Cộng	607.082.800	394.719.200

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Chi phí sửa chữa máy móc, tài sản	795.593.017	323.410.424
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	182.767.485	192.449.052
Chi phí thuê nhà	-	12.208.149
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.420.833	177.041.408
Cộng	1.001.781.335	705.109.033

14. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn		
- Công ty TNHH 1 thành viên Nhiệt điện Cần Thơ	-	100.000.000
- Công ty TNHH 1 thành viên Nhiệt điện Thủ Đức	-	70.000.000
- Trần Văn Trường (đặt cọc tiền thuê nhà)	216.000.000	216.000.000
Cộng	216.000.000	386.000.000

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn (Ngân hàng Ngoại Thương Quy Nhơn)	18.986.629.822	25.629.958.450
Cộng	18.986.629.822	25.629.958.450

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	578.736.282	2.954.787.194
Thuế thu nhập cá nhân	6.572.505	7.436.767
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Cộng	585.308.787	2.962.223.961

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Kinh phí công đoàn	18.866.234	34.197.141
Bảo hiểm xã hội	-	38.074.229
Nguyễn Công Huân	1.922.370.186	889.479.732
Cổ tức phải trả	42.339.558	2.254.324.558
Công ty xi măng Phúc Sơn	652.350.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	399.038.596	498.237.003
Cộng	3.034.964.574	3.714.312.663

18. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.436.375.197	1.305.522.802
Cộng	1.436.375.197	1.305.522.802

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối doái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2009	30.600.000.000	-	1.104.126.018	871.713.532	11.072.519.277
Tăng trong năm	-	1.061.886	3.438.503.855	859.625.964	13.990.983.317
Giảm trong năm	-	-	-	-	12.018.471.824
Số dư tại 31/12/2009	30.600.000.000	1.061.886	4.542.629.873	1.731.339.496	13.045.030.770
Số dư tại 01/01/2010	30.600.000.000	1.061.886	4.542.629.873	1.731.339.496	13.045.030.770
Tăng trong năm	-	2.230.873	2.798.196.663	699.549.165	7.150.675.249
Giảm trong năm	-	1.061.886	-	-	7.927.037.660
Số dư tại 31/12/2010	30.600.000.000	2.230.873	7.340.826.536	2.430.888.661	12.268.668.359

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	9.652.000.000	9.652.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	20.948.000.000	20.948.000.000
Cộng	30.600.000.000	30.600.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2010 Cổ phiếu	31/12/2009 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu thường	3.060.000	3.060.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Error! Not a valid link.

(*) Lợi nhuận năm 2009 được phân phối theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông ngày 12/5/2010.

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng doanh thu	920.958.233.740	762.454.711.907
+ Doanh thu bán hàng	916.552.429.208	760.898.993.900
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.405.804.532	1.555.718.007
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.382.727	-
+ Hàng bán bị trả lại	1.382.727	-
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	920.956.851.013	762.454.711.907

21. Giá vốn hàng bán

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	893.897.299.910	726.880.772.245
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.124.540.299	1.235.905.454
Cộng	895.021.840.209	728.116.677.699

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	104.889.156	102.572.814
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	16.000.000	7.650.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.781.000	87.971.400
Lãi bán hàng trả chậm	1.235.822.558	1.110.369.362
Doanh thu hoạt động tài chính khác	593.835.320	87.062.709
Cộng	1.983.328.034	1.395.626.285

23. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	5.314.229.581	2.232.494.889
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	212.363.600	86.409.200
Cộng	5.526.593.181	2.318.904.089

24. Thu nhập khác

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tiền khuyến mại, thưởng, hỗ trợ tiêu thụ	14.158.893.503	7.969.767.519
Thu nhập từ bán thanh lý công cụ dụng cụ	2.051.682	4.572.727
Thu nhập từ xử lý công nợ nhỏ lẻ	72.197	44.608.900
Thu nhập từ bán thanh lý tài sản cố định	4.363.637	159.545.457
Thu từ bồi thường bảo hiểm	-	21.197.000
Nguyên vật liệu thừa do kiểm kê	683.500	1.121.312
Thu nhập khác	-	22.031.760
Cộng	14.166.064.519	8.222.844.675

25. Chi phí khác

Error! Not a valid link.

26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.664.965.349	16.945.770.511
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	86.745.289	(61.272.260)
<i>Điều chỉnh tăng</i>	<i>119.526.289</i>	<i>34.349.140</i>
+ <i>Phụ cấp HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	<i>97.500.000</i>	-
+ <i>Phạt chậm nộp thuế và truy thu thuế GTGT</i>	<i>22.026.289</i>	-
+ <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	-	<i>34.349.140</i>
<i>Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi trái phiếu)</i>	<i>32.781.000</i>	<i>95.621.400</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	9.751.710.638	16.884.498.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định	2.437.927.660	4.221.124.563
- <i>Thuế TNDN được giảm theo TT03/2009/BTC</i>	-	<i>1.266.337.369</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.514.290.100	2.954.787.194
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay</i>	<i>2.437.927.660</i>	<i>2.954.787.194</i>
- <i>Thuế TNDN truy thu từ năm 2006 - 2009 vào chi phí thuế TNDN năm nay</i>	<i>76.362.440</i>	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	7.150.675.249	13.990.983.317

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.150.675.249	13.990.983.317
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
+ Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	7.150.675.249	13.990.983.317
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.060.000	3.060.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.337	4.572

28. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 12/05/2010 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2009 với số tiền 6.120.000.000 đồng (tỷ lệ 20%). Số cổ tức này đã được chi trả trong năm 2009.

Hội đồng quản trị Công ty cũng đã tạm ứng cổ tức năm 2010 với tỷ lệ 10% (tương ứng 3.060.000.000 đồng).

29. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

30. Số liệu so sánh

Là các số liệu trên báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.



Nguyễn Trọng Phát

Quy Nhơn, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Phụ trách Kế toán

Khổng Thị Hà

V. Bản giải trình kế toán tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Báo cáo kiểm toán độc lập:

a. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị được chọn để kiểm toán tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định kỳ kế toán từ 01/01/2009 đến 31/12/2009.

b. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông

Công ty Cổ phần Petec Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/03/2011 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 23. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên

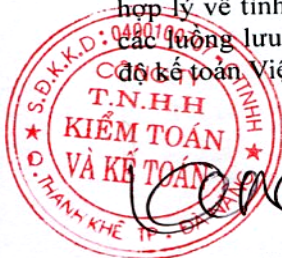
Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh

2. Kiểm toán độc lập:

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

“Báo cáo tài chính của tại thời điểm 31/12/2010 đã phản ánh trung thực mọi hoạt động của Công ty năm 2010, tuân thủ đầy đủ các quy định – trình tự và nguyên tắc tài chính”.

Trần Dương Nghĩa

Kiểm toán viên

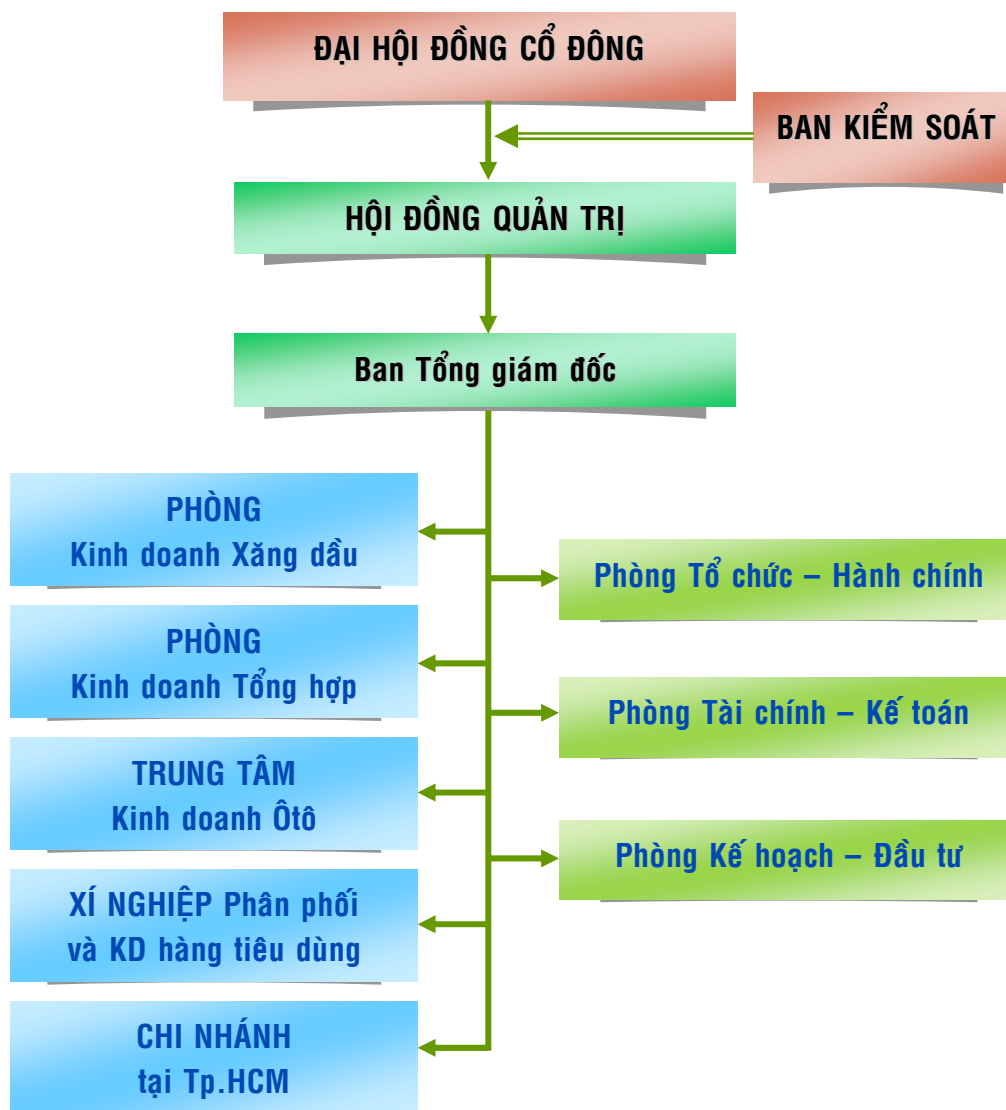
Chứng chỉ KTV số 1309/KTV

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có

VII. Tổ chức và nhân sự:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH



→ Quan hệ chỉ đạo
⇒ Quan hệ giám sát

Hội đồng Quản trị công ty:

Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 6 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm (theo điều lệ từ 5 - 7 thành viên). Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc. Bên cạnh đó ban kiểm soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp (Chủ yếu là VLXD);
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Trung tâm kinh doanh ô tô;
- Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng ;
- Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh;

Đứng đầu các bộ phận này là các trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

Nhân sự: Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 115 người. Trong đó nhân viên quản lý 23 người.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

- Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Anh Kiệt	Chủ tịch	Trúng cử ngày 09/4/2009 Miễn nhiệm ngày 12/5/2010
Ông Nguyễn Mạnh Thảo	Chủ tịch	Trúng cử ngày 12/5/2010
Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch	Trúng cử ngày 18/8/2004 Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Huỳnh Đức Trường	Thành viên	Trúng cử ngày 12/5/2010
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	Trúng cử ngày 18/8/2004 Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Lương Duy Vân	Thành viên	Trúng cử ngày 18/8/2004 Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Võ Hữu Tánh	Thành viên	Trúng cử ngày 18/8/2004 Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Huỳnh Lạc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/8/2004 Tái trúng cử ngày 09/4/2009

- Ban kiểm soát**

Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	Tái trúng cử ngày 09/4/2009 Miễn nhiệm ngày 12/5/2010
Ông Nguyễn Đức Linh	Trưởng ban	Trúng cử ngày 09/4/2009
Bà Phạm Thị Năm	Thành viên	Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên	Tái trúng cử ngày 09/4/2009
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên	Trúng cử ngày 12/5/2010

- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004 Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2008
Ông Lương Duy Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004 Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2008
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008 Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2008
Ông Võ Đình Huy	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 09/4/2008 Thôi nhiệm ngày 01/10/2010
Bà Không Thị Hà	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/4/2011

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị:**

Stt	Họ tên người sở hữu cổ phần	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %
1	C.Ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec	965.200	31,54
2	Nguyễn Trọng Phát	88.600	2,90
3	Lương Duy Vân	85.200	2,78
4	Đỗ Khoa Mỹ Linh	61.800	2,02
5	Võ Hữu Tánh	104.200	3,41
6	Huỳnh Lạc	37.800	1,24
Tổng cộng		1.342.800	43,88

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông:

a/. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2010:

- Tổng số cổ đông : 592 cổ đông.
- Tổng số cổ phần : 3.060.000 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.

- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 965.200 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Cổ đông thể nhân : 591 cổ đông, nắm giữ 2.094.800 cổ phần, chiếm 68,46%.
- Cổ đông là Nhà nước : Không có.
- Cổ đông là CBCNV : 96 cổ đông, nắm giữ 898.200 cổ phần, chiếm 29,35%.
- Cổ đông ngoài DN : 496 cổ đông, nắm giữ 2.161.800 cổ phần, chiếm 70,65%.

- Cổ đông sở hữu vốn điều lệ:

- Trên 5% : 01 cổ đông, nắm giữ 965.200 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Từ 2% đến dưới 5% : 04 cổ đông, nắm giữ 339.800 cổ phần, chiếm 11,1%.
- Từ 1% đến dưới 2% : 04 cổ đông, nắm giữ 177.800 cổ phần, chiếm 5,81%.
- Dưới 1% : 583 cổ đông, nắm giữ 1.577.200 cổ phần, chiếm 51,54%.

b/. Tình hình giao dịch của các cổ đông lớn:

Không có.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh, hoạt động tài chính năm 2010, và phương hướng kế hoạch hoạt động năm 2011 của Công ty CP Petec Bình Định.

Tp. Quy Nhơn, ngày 10 tháng 5 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Lưu HĐQT – Công ty

